

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: <i>- Tổng công ty Điện lực miền Bắc (Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024 2241 5555 – 024 2210 0705 Fax: 024 3824 4033 Email: quanlydauthau@npc.com.vn)</i> <i>- Đại diện được ủy quyền: Ban Quản lý dự án Lưới điện</i>
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: <i>Cải tạo đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ TBA 110kV Gia Lương, cải tạo cột, móng để nâng cao khoảng cách tĩnh không các khoảng cột không đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định. Cải tạo TBA 110kV Bình Định theo thiết kế</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: <i>Phường Bông Lai, xã Đại Lai, xã Đông Cứu, xã Gia Bình, xã Lâm Thao, phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh.</i> <i>Được xác định trong bản vẽ kèm theo E-HSMT.</i>
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: <i>180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công</i>
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: <i>180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công</i>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: <i>Muộn nhất 07 ngày sau ngày ký hợp đồng khi đủ điều kiện thi công.</i>
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: <i>___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
E-ĐKC 1.29	Tư vấn giám sát là: <i>Tổng công ty Điện lực miền Bắc (Đơn vị được giao tự thực hiện: Ban Quản lý dự án lưới điện), địa chỉ Số 22 ngõ 399 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.</i>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 2.3 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <i>- Hồ sơ thiết kế, các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có).</i> <i>- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).</i>

<p>E-ĐKC 5.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 % giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành.</i> - <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII và các quy định tại E-ĐKC 5. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</i> <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</i> - <i>Tích thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tích thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</i> + <i>Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận ghi trong hợp đồng;</i> + <i>Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B;</i> + <i>Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</i> + <i>Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</i>
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng.</i> - <i>Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam, trong đó Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang, và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, cho Chủ đầu tư bất cứ</i>

	<p><i>khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh theo quy định, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ bảo hành trong thời hạn bảo hành, và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng cuối cùng.</i></p> <p><i>- Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhà thầu hoàn thành các công việc của hợp đồng và các Bên ký biên bản xác nhận nhà thầu đã hoàn thành lắp đặt không còn tồn tại sau đóng điện.</i></p>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 10 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 30 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ_____ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].</i>
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>+ Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.</p> <p>+ Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển tới chân công trình.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: <i>tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhà thầu hoàn thành các công việc của hợp đồng và các Bên ký biên bản xác nhận nhà thầu đã hoàn thành lắp đặt không còn tồn tại sau đóng điện.</i>
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: <i>Cải tạo đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ TBA 110kV Gia Lương</i>

E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <i>Sau khi nhận bàn giao mặt bằng.</i>
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: <i>30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thỏa thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh.</i></p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Toà án Kinh tế TP Hà Nội.</p> <p>Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.</p> <p>Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Muộn nhất là 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng khi đủ điều kiện thi công.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.</p>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <i>30 ngày 1 lần hoặc trường hợp tiến độ thi công thực tế không đáp ứng yêu cầu, trong vòng 07 ngày nhà thầu phải trình Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết điều chỉnh đáp ứng đúng thời gian thực hiện gói thầu.</i></p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: <i>290.000.000 VND.</i></p>
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: <i>Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.</i>
C. Quản lý chất lượng	

E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư thiết bị do nhà thầu cung cấp phải được kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa tại xưởng trước khi giao hàng như quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật.</p> <p>Việc Chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy sản xuất (theo quy định tại văn bản số 799/EVNNPC-KT+ĐT ngày 25/02/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc v/v chứng kiến thí nghiệm xuất xưởng đối với dây và cáp điện nhập khẩu) sẽ không miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm mà nhà thầu phải thực hiện theo quy định tại hợp đồng.</p> <p>Trong quá trình nghiệm thu, nếu kết quả thử nghiệm hàng hóa được cung cấp không đáp ứng yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục hàng hóa và Nhà thầu phải thay thế miễn phí các hàng hóa bị từ chối và/hoặc thực hiện miễn phí các thay thế cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn. Trong trường hợp sai khác hoặc không phù hợp, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp, thay thế các hàng hóa lỗi trong vòng 08 tuần sau khi nhận được thông báo từ Chủ đầu tư trên cơ sở địa điểm giao hàng, bao gồm thuế nhập khẩu, phí bốc dỡ chậm, phí kiểm tra và thử nghiệm và các chi phí liên quan cho việc thay thế, đổi hàng, chi phí do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư sẽ trả lại các hàng hóa không phù hợp theo yêu cầu của nhà cung cấp và chi phí do Nhà thầu chịu trên cơ sở giá giao tại chân công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dây dẫn, cáp lực và cách điện: Cung cấp biên bản thử nghiệm của đơn vị giám định độc lập, số lượng mẫu thử theo quy định tại văn bản số 5539/EVNNPC-KT của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật đối với dây và cáp điện và Văn bản số 4048/EVNNPC-KT ngày 16/9/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc quy định lấy mẫu thử nghiệm xác suất, kiểm soát chất lượng mua sắm tập trung VTTB; Văn bản số 3029/EVNNPC ngày 09/06/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về Quy định bổ sung về kiểm soát chất lượng VTTB trước khi lắp đặt;. - Đối với cột thép: Cung cấp biên bản lấy mẫu và kết quả kiểm nghiệm thép đầu vào để sản xuất cột của đơn vị giám sát độc lập. - Đối với các vật tư, thiết bị khác: Theo quy định tại Chương V-E-HSMT. - Đối với Hồ sơ kiểm soát chất lượng của nhà thầu (theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) sẽ được nộp sau 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Theo đơn giá cố định..</i>
E-ĐKC 41.1	<p>Cố định.</p> <p>Giá trị hợp đồng:</p>

	Bằng chữ:
E-ĐKC 42.1	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tạm ứng: 15% giá trị hợp đồng trước thuế - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bảo lãnh trả trước) được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng, có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng là bảo lãnh của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng, trong đó Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang, và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tiền tạm ứng. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Nguyên tắc để tạm ứng cho Nhà thầu: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư tiến hành tạm ứng cho Nhà thầu sau khi bàn giao một phần hoặc toàn bộ mặt bằng cho nhà thầu. Việc thanh toán tạm ứng sẽ được thực hiện theo tiến độ bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư, nhưng đảm bảo tổng giá trị tạm ứng tối đa là 15% giá trị Hợp đồng. Tổng số lần tạm ứng không quá: 3 lần. Giá trị từng lần tạm ứng là 15% giá trị thực hiện ước tính theo khối lượng bàn giao mặt bằng. + Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích. - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 60 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: 05 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành;

	<p>+ Biên bản bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công;</p> <p>+ Chúng nhận bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu: 01 bộ gốc và 03 bộ sao của đơn vị phát hành.</p> <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng nghiệm thu gói thầu đạt đến 80% giá trị hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>*) Phương thức thanh toán:</p> <p>- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).</p> <p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bên A sẽ thanh toán cho bên B thành một hoặc nhiều lần dựa trên đề nghị của nhà thầu và căn cứ vào tiến độ thực hiện, cơ sở đơn giá hợp đồng, khối lượng được nghiệm thu và chất lượng của từng lần thanh toán (bao gồm cả tạm ứng). Tuy nhiên đảm bảo tổng giá trị của tất cả các lần thanh toán không vượt quá 90% giá trị Hợp đồng trước thuế (bao gồm cả giá trị tạm ứng) và 100% thuế VAT (Việc thanh toán thuế VAT sẽ được thực hiện riêng); <p>Bên A có trách nhiệm thẩm tra, xem xét và gửi lên cơ quan cấp phát vốn sau khi nhận được các hồ sơ do bên B lập:</p> <p>+ Công văn đề nghị thanh toán: 06 bản gốc;</p> <p>+ Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 05 bản sao;</p> <p>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a, 03c của Nghị định 99/2021-NĐ-CP ngày 11/11/2021: 06 bản gốc;</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc</p> <p>+ Nhật ký thi công và biên bản nghiệm thu theo Quyết định số 2302/QĐ-EVNNPC ngày 20/9/2022 và CV số 6821/EVNNPC-DT ngày 22/12/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc (Nhật ký: 01 gốc và 05 sao y; BB nghiệm thu: 06 bản gốc);</p> <p>+ Bản vẽ hoàn công: 06 bộ gốc;</p> <p>+ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của Nhà sản xuất (C/Q): 01 file scan bản gốc và 05 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu: ...), 01 gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp (đối với hàng hóa trong nước);</p> <p>+ Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 01 file scan bản gốc và 05 bản sao y công chứng (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài);</p> <p>+ Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài): 06 bản sao y của nhà nhập khẩu;</p> <p>+ Báo cáo thử nghiệm xuất xưởng được ban hành bởi Nhà sản xuất:</p>

	<p>01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp;</p> <p>+ Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp: 01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp;</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu lắp ráp cột mẫu (Yêu cầu đại diện A, B, nhà sản xuất, tư vấn thiết kế ký, đóng dấu): 06 bộ gốc;</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu xuất xưởng cột thép, Bu lông (Yêu cầu đại diện A, B, nhà sản xuất ký và đóng dấu): 06 bộ gốc;</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi sử dụng lắp đặt cho công trình có ký xác nhận của bên A và bên B (Yêu cầu ghi rõ số lượng, chất lượng, xuất xứ): 06 bản gốc;</p> <p>+ Đối với các vật tư là vật liệu thô (Cát, đá, sỏi...): Bên B cung cấp hồ sơ thí nghiệm (các test thí nghiệm) và các hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: 01 bản gốc và 04 bản sao y;</p> <p>+ Đối với VTTB thu hồi (nếu có) phải có Biên bản xác nhận VTTB thu hồi trước và sau tháo dỡ, Biên bản bàn giao VTTB thu hồi có xác nhận của đơn vị quản lý vận hành theo quy định về quản lý vật tư.</p> <p>+ Hồ sơ quản lý chất lượng vật tư theo yêu cầu được quy định tại E-ĐKC 33.2: 01 bản gốc và 05 bản sao.</p> <p>Thanh toán 10% còn lại như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 5% giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 60 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và cung cấp cho Chủ đầu tư các hồ sơ sau: <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành quyết toán có đại diện A, B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc; - Hồ sơ quyết toán giá trị có đại diện A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc; - Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao của ngân hàng phát hành. <p>5% còn lại được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 03 tháng sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và hai bên thanh lý hợp đồng.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%</p>

E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước về sửa đổi, bổ sung hợp đồng.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do vi phạm chất lượng công trình: Bên B phải chịu mọi chi phí thực hiện để thực hiện lại công việc không đạt chất lượng và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của Bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 10% giá trị phần HĐ bị vi phạm. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt theo quy định. - Do thay đổi xuất xứ vật tư sử dụng cho công trình: nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hóa, vật tư sử dụng cho công trình thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được chấp nhận, Bên B còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hóa, vật tư xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng. - Do chậm tiến độ: <p>Trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạt 0,5% giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần chậm tiến độ; - Khi Bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thì công chi tiết và biên pháp tổ chức thi công thì bị phạt như quy định tại E-ĐKC 29.4. Khi Bên B chậm đến 2 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng. <p>Khi tỷ lệ bồi thường thiệt hại đạt 2% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng và tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 E-ĐKC, Chủ đầu tư sẽ đăng tải Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đồng thời đánh giá chất lượng thực hiện hợp đồng của nhà thầu định kỳ/hàng năm của Tổng công ty điện lực miền Bắc làm cơ sở đánh</p>

	<p>giá Uy tín của nhà thầu trong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu tiếp theo.</p> <p>Ngoài ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. - Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. - Trường hợp Nhà thầu không thực hiện các dịch vụ liên quan ngay khi có mặt bằng, đủ điều kiện thi công, đảm bảo tiến độ đóng điện dự án thì Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị thứ 3 thực hiện các công việc còn lại, mọi chi phí thực tế phát sinh khi thuê đơn vị thứ 3 Nhà thầu phải chịu và chi phí này được khấu trừ trên giá trị giữ lại.
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: <i>Áp dụng.</i></p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thường hợp đồng: <i>Không áp dụng.</i></p>
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: <i>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đóng điện đưa vào vận hành</i></p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>30 ngày sau ngày hoàn thành.</i></p>
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại: <i>290.000.000 VND</i></p>
E-ĐKC 56.1(a)	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>